



xuān áng

轩昂

adjective · dignified; imposing

Example Sentences

Tā qì yǔ xuān áng
他气宇轩昂。

He has a dignified bearing.

Zhè wèi jiāng jūn yí biǎo xuān áng lìng rén jìng pèi
这位将军仪表轩昂，令人敬佩。

This general has an imposing appearance,
which commands respect.

Tā xuān áng de qì zhì zài rén qún zhōng gé wài tū chū
他轩昂的气质在人群中格外突出。

His dignified demeanor stands out especially
in a crowd.

Trace each character, then write the word on your own.

轩	轩	轩	轩	轩	轩	轩	轩	轩	轩	
昂	昂	昂	昂	昂	昂	昂	昂	昂	昂	昂